

Số: 98 /QĐ-ĐHCNQ

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BCT ngày 16/05/2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Hướng dẫn số 248-ĐHCNQ ngày 31/7/2017 của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng cấp Trường đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên học kỳ 2 và năm học 2020 - 2021;

Xét đề nghị của Thường trực hội đồng Thi đua khen thưởng khối học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện học kỳ 2 và năm học 2020 – 2021 cho 659 sinh viên (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Công tác HSSV; Mỏ & Công trình, Điện, Kinh tế, Cơ khí - Động lực, Công nghệ thông tin, Khoa học cơ bản; CVHT và 659 sinh viên căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.

K.T. HIỆU TRƯỞNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
TS. Bùi Thanh Nhu

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN HỌC KỲ 2 VÀ NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: 98/QĐ - ĐHCNQN ngày 25 tháng 8 năm 2021)

Học kỳ 2: Tổng số SV 659, số SV tham gia ĐGRL: 659 chiếm 100%

TT	Khoa	Số SV tham gia đánh giá	XS		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Khoa học cơ bản	174	30	17,2	116	66,7	17	9,8	9	5,2	2	1,1	0	0,0
2	Kinh tế	149	46	30,9	73	49,0	24	16,1	6	4,0	0	0,0	0	0,0
3	Điện	225	46	20,4	127	56,4	47	20,9	4	1,8	1	0,4	0	0,0
4	Mỏ & Công trình	35	3	8,6	22	62,9	10	28,6	0	0,0	0	0,0	0	0,0
5	Công nghệ Thông tin	42	1	2,4	31	73,8	9	21,4	1	2,4				
6	Cơ khí - Động lực	34	11	32,4	17	50,0	6	17,6	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tổng		659,0	137,0	20,8	386,0	58,6	113,0	17,1	20,0	3,0	3,0	0,5	0,0	0,0

Năm học 2020 - 2021: Tổng số SV 659, số SV tham gia ĐGRL: 659, chiếm 100%

TT	Khoa	Số SV tham gia đánh giá	XS		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Khoa học cơ bản	174	30	17,2	116	66,7	17	9,8	9	5,2	2	1,1	0	0,0
2	Kinh tế	149	47	31,5	68	45,6	29	19,5	5	3,4	0	0,0	0	0,0
3	Điện	225	43	19,1	114	50,7	64	28,4	3	1,3	1	0,4	0	0,0
4	Mỏ & Công trình	35	3	8,6	19	54,3	13	37,1	0	0,0	0	0,0	0	0,0
5	Công nghệ Thông tin	42	2	4,8	34	81,0	5	11,9	1	2,4		0,0	0	0,0
6	Cơ khí - Động lực	34	10	29,4	19	55,9	5	14,7	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tổng		659,0	135,0	20,5	370,0	56,1	133,0	20,2	18,0	2,7	3,0	0,5	0,0	0,0

KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN KỲ II VÀ NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định: 98 /QĐ - ĐHCNQN, ngày 25 tháng 8 năm 2021)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
1	CQ13DH0160	Lê Đức Mạnh	CĐM K13	75	Khá	73	Khá
2	CQ13DH0327	Trần Trọng Nghĩa	CĐM K13	80	Tốt	80	Tốt
3	CQ13DH0277	Nguyễn Văn Hải	CĐM K13	79	Khá	79	Khá
4	CQ13DH0279	Hoàng Đức Toàn	CĐM K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
5	CQ13DH0231	Lê Thanh Bách	CNDL K13	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc
6	CQ13DH0058	Đặng Minh Hiếu	CNDL K13	80	Tốt	75	Khá
7	CQ13DH0251	Tô Tiến Hiếu	CNDL K13	93	Xuất sắc	73	Khá
8	CQ13DH0233	Trần Việt Hoàng	CNDL K13	80	Tốt	80	Tốt
9	CQ13DH0241	Nguyễn Việt Hùng	CNDL K13	80	Tốt	80	Tốt
10	CQ13DH0273	Lê Trọng Tú	CNDL K13	80	Tốt	80	Tốt
11	CQ13DH0435	Nguyễn Thành An	CN TĐH K13	75	Khá	75	Khá
12	CQ13DH0192	Nguyễn Tuấn Anh	CN TĐH K13	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
13	CQ13DH0196	Phạm Tuấn Anh	CN TĐH K13	80	Tốt	80	Tốt
14	CQ13DH0198	Trần Việt Anh	CN TĐH K13	82	Tốt	76	Khá
15	CQ13DH0199	Đoàn Tuấn Anh	CN TĐH K13	92	Xuất sắc	98	Xuất sắc
16	CQ13DH0208	Vũ Tuấn Anh	CN TĐH K13	82	Tốt	60	TB
17	CQ13DH0204	Nguyễn Minh Anh	CN TĐH K13	86	Tốt	80	Tốt
18	CQ13DH0464	Nguyễn Văn Ca	CN TĐH K13	74	Khá	76	Khá
19	CQ13DH0298	Trần Ngọc Diệp	CN TĐH K13	85	Tốt	85	Tốt
20	CQ13DH0242	Hoàng Đức Dự	CN TĐH K13	80	Tốt	85	Tốt
21	CQ13DH0418	Bùi Duy Đức	CN TĐH K13	87	Tốt	86	Tốt
22	CQ13DH0422	Trần Tiến Đức	CN TĐH K13	82	Tốt	86	Tốt
23	CQ13DH0219	Phạm Tiến Dũng	CN TĐH K13	86	Tốt	80	Tốt
24	CQ13DH0305	Nguyễn Thị Hải Hà	CN TĐH K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
25	CQ13DH0224	Bùi Đức Hiếu	CN TĐH K13	60	TB	70	Khá
26	CQ13DH0402	Nguyễn Văn Hòa	CN TĐH K13	87	Tốt	90	Xuất sắc
27	CQ13DH0301	Bùi Văn Hoàn	CN TĐH K13	80	Tốt	80	Tốt
28	CQ13DH0189	Lê Việt Hoàng	CN TĐH K13	87	Tốt	90	Xuất sắc
29	CQ13DH0235	Nguyễn Kim Việt Hoàng	CN TĐH K13	77	Khá	80	Tốt
30	CQ13DH0188	Trần Quốc Hùng	CN TĐH K13	82	Tốt	85	Tốt
31	CQ13DH0190	Bùi Văn Huy	CN TĐH K13	85	Tốt	85	Tốt
32	CQ13DH0226	Lê Bảo Khang	CN TĐH K13	82	Tốt	85	Tốt
33	CQ13DH0423	Nguyễn Chí Lâm	CN TĐH K13	85	Tốt	85	Tốt
34	CQ13DH0168	Cao Vũ Lâm	CN TĐH K13	87	Tốt	79	Khá
35	CQ13DH0205	Đinh Thành Lập	CN TĐH K13	95	Xuất sắc	85	Tốt
36	CQ13DH0319	Lương Khánh Linh	CN TĐH K13	82	Tốt	80	Tốt
37	CQ13DH0194	Nguyễn Văn Lộc	CN TĐH K13	85	Tốt	85	Tốt
38	CQ13DH0330	Nguyễn Tiến Mạnh	CN TĐH K13	70	Khá	78	Khá
39	CQ13DH0206	Nguyễn Đức Minh	CN TĐH K13	82	Tốt	80	Tốt
40	CQ13DH0203	Nguyễn Trọng Nghĩa	CN TĐH K13	92	Xuất sắc	87	Tốt
41	CQ13DH0317	Nguyễn Minh Quân	CN TĐH K13	77	Khá	60	TB
42	CQ13DH0441	Bùi Hùng Quân	CN TĐH K13	60	TB	75	Khá
43	CQ13DH0304	Phạm Ngọc Sơn	CN TĐH K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
44	CQ13DH0339	Nguyễn Quyết Tiến	CN TĐH K13	79	Khá	79	Khá
45	CQ13DH0193	Phạm Quốc Toàn	CN TĐH K13	82	Tốt	80	Tốt
46	CQ13DH0221	Hà Quốc Toàn	CN TĐH K13	70	Khá	82	Tốt
47	CQ13DH0446	Phạm Xuân Trường	CN TĐH K13	75	Khá	77	Khá
48	CQ13DH0312	Ngô Thanh Tú	CN TĐH K13	75	Khá	80	Tốt

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
49	CQ13DH0218	Nguyễn Anh	Tuấn	CN TĐH K13	75	Khá	75	Khá
50	CQ13DH0217	Chu Minh	Tuấn	CN TĐH K13	70	Khá	80	Tốt
51	CQ13DH0216	Lưu Mạnh	Tuấn	CN TĐH K13	87	Tốt	77	Khá
52	CQ13DH0244	Bùi Thế	Vinh	CN TĐH K13	82	Tốt	85	Tốt
53	CQ13DH0404	Nguyễn Danh	Vọng	CN TĐH K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
54	CQ13DH0286	Phùng Chí	Công	Kỹ thuật Điện K13	71	Khá	72	Khá
55	CQ13DH0263	Trần Hùng	Dũng	Kỹ thuật Điện K13	79	Khá	72	Khá
56	CQ13DH0186	Trịnh Ngọc	Dũng	Kỹ thuật Điện K13	81	Tốt	83	Tốt
57	CQ13DH0282	Nguyễn Văn	Đạt	Kỹ thuật Điện K13	85	Tốt	81,5	Tốt
58	CQ13DH0268	Đinh Như	Đức	Kỹ thuật Điện K13	87	Tốt	87	Tốt
59	CQ13DH0387	Vũ Hoàng Trung	Đức	Kỹ thuật Điện K13	85	Tốt	86	Tốt
60	CQ13DH0178	Phạm Văn	Hiếu	Kỹ thuật Điện K13	85	Tốt	86	Tốt
61	CQ13DH0295	Đỗ Khắc	Hoàng	Kỹ thuật Điện K13	85	Tốt	84	Tốt
62	CQ13DH0240	Phạm Thế	Hùng	Kỹ thuật Điện K13	89	Tốt	88	Tốt
63	CQ13DH0248	Bế Tiến	Huy	Kỹ thuật Điện K13	87	Tốt	87	Tốt
64	CQ13DH0389	Đinh Việt	Hưng	Kỹ thuật Điện K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
65	CQ13DH0234	Đỗ Hải	Long	Kỹ thuật Điện K13	50	TB	63	TB
66	CQ13DH0232	Vũ Huy Đức	Long	Kỹ thuật Điện K13	79	Khá	75	Khá
67	CQ13DH0239	Đỗ Đình	Lương	Kỹ thuật Điện K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
68	CQ13DH0265	Cao Hoàng	Mạnh	Kỹ thuật Điện K13	89	Tốt	88	Tốt
69	CQ13DH0291	Lý Văn	Mạnh	Kỹ thuật Điện K13	80	Tốt	75	Khá
70	CQ13DH0175	Nguyễn Hồng	Minh	Kỹ thuật Điện K13	85	Tốt	86	Tốt
71	CQ13DH0457	Đỗ Hào	Nam	Kỹ thuật Điện K13	61	TB	66	Khá
72	CQ13DH0276	Mạc Hồng	Quang	Kỹ thuật Điện K13	50	TB	62	TB
73	CQ13DH0299	Hoàng Long	Quân	Kỹ thuật Điện K13	89	Tốt	80	Tốt
74	CQ13DH0394	Vũ Đức	Son	Kỹ thuật Điện K13	85	Tốt	80	Tốt
75	CQ13DH0254	Nguyễn Ngọc	Thán	Kỹ thuật Điện K13	88	Tốt	87,5	Tốt
76	CQ13DH0285	Đinh Công	Thành	Kỹ thuật Điện K13	82	Tốt	86	Tốt
77	CQ13DH0431	Hà Nguyễn Thế	Toàn	Kỹ thuật Điện K13	81	Tốt	83	Tốt
78	CQ13DH0246	Trần Bình	Trọng	Kỹ thuật Điện K13	85	Tốt	85	Tốt
79	CQ13DH0252	Hoàng Văn	Trường	Kỹ thuật Điện K13	85	Tốt	86	Tốt
80	CQ13DH0396	Nguyễn Quang	Trường	Kỹ thuật Điện K13	89	Tốt	88	Tốt
81	CQ13DH0257	Đinh Xuân	Tùng	Kỹ thuật Điện K13	81	Tốt	79	Khá
82	CQ13DH0442	Vũ Minh	Đức	CĐ - TK K13	74	Khá	75	Khá
83	CQ13DH0256	Dương Thanh	Huy	CĐ - TK K13	84	Tốt	81	Tốt
84	CQ13DH0267	Nguyễn Minh	Thắng	CĐ - TK K13	74	Khá	76	Khá
85	CQ13DH0322	Đỗ Hoàng	Việt	CĐ - TK K13	80	Tốt	79	Khá
86	CQ13DH0452	Nguyễn Việt	Anh	KT Mô hình lò K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
87	CQ13DH0067	Nguyễn Ngọc	Cương	KT Mô hình lò K13	0	Kém	30,5	Kém
88	CQ13DH0427	Đào Văn	Hiếu	KT Mô hình lò K13	14	Kém	47	Yếu
89	CQ13DH0436	Phạm Hải	Nam	KT Mô hình lò K13	50	TB	72	Khá
90	CQ13DH0185	Nguyễn Văn	Tùng	KT Mô hình lò K13	50	TB	67	Khá
91	CQ13DH0187	Phạm Thanh	Tùng	KT Mô hình lò K13	80	Tốt	80	Tốt
92	CQ13DH0329	Nguyễn Tuấn	Anh	CNKTCOTO K13	86	Tốt	79,5	Khá
93	CQ13DH0310	Nguyễn Văn	Bách	CNKTCOTO K13	80	Tốt	79	Khá
94	CQ13DH0085	Vũ Thành	Công	CNKTCOTO K13	85	Tốt	74	Khá
95	CQ13DH0432	Võ Vinh	Giang	CNKTCOTO K13	79	Khá	83	Tốt
96	CQ13DH0181	Nguyễn Tuấn	Hiền	CNKTCOTO K13	85	Tốt	79	Khá
97	CQ13DH0182	Nguyễn Văn	Kiên	CNKTCOTO K13	81	Tốt	82	Tốt
98	CQ13DH0453	Tạ Văn	Phải	CNKTCOTO K13	86	Tốt	81	Tốt
99	CQ13DH0271	Trần Gia	Phong	CNKTCOTO K13	80	Tốt	76,5	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
100	CQ13DH0377	Phạm Văn	Phú	CNKTCOTO K13	88	Tốt	82	Tốt
101	CQ13DH0180	Bùi Công	Sang	CNKTCOTO K13	50	TB	65	Khá
102	CQ13DH0183	Phạm Duy	Thắng	CNKTCOTO K13	75	Khá	74	Khá
103	CQ13DH0462	Cao Thị Thùy	Anh	Kế toán K13	85	Tốt	87	Tốt
104	CQ13DH0028	Nguyễn Ngọc	Anh	Kế toán K13	85	Tốt	85	Tốt
105	CQ13DH0016	Nguyễn Thị Vân	Anh	Kế toán K13	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc
106	CQ13DH0438	Nguyễn Tuấn	Anh	Kế toán K13	60	TB	60	TB
107	CQ13DH0412	Vũ Trung	Anh	Kế toán K13	90	Xuất sắc	89	Tốt
108	CQ13DH0050	Cao Ngọc	Ánh	Kế toán K13	85	Tốt	87	Tốt
109	CQ13DH0054	Vũ Ngọc	Ánh	Kế toán K13	85	Tốt	88	Tốt
110	CQ13DH0456	Đặng Văn	Bình	Kế toán K13	80	Tốt	81	Tốt
111	CQ13DH0035	Nguyễn Thị	Bình	Kế toán K13	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc
112	CQ13DH0057	Nguyễn Linh	Chi	Kế toán K13	83	Tốt	83	Tốt
113	CQ13DH0147	La Hồng	Dung	Kế toán K13	83	Tốt	86	Tốt
114	CQ13DH0049	Phùng Văn	Đồng	Kế toán K13	85	Tốt	87	Tốt
115	CQ13DH0019	Quách Thu	Hiền	Kế toán K13	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc
116	CQ13DH0362	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Kế toán K13	85	Tốt	84	Tốt
117	CQ13DH0063	Giang Thị Khánh	Linh	Kế toán K13	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc
118	CQ13DH0293	Nguyễn Hoài	Linh	Kế toán K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
119	CQ13DH0005	Nguyễn Thùy	Linh	Kế toán K13	80	Tốt	80	Tốt
120	CQ13DH0146	Phạm Thị Thùy	Linh	Kế toán K13	80	Tốt	86	Tốt
121	CQ13DH0360	Vũ Thị Mỹ	Ngọc	Kế toán K13	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc
122	CQ13DH0303	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Kế toán K13	80	Tốt	84	Tốt
123	CQ13DH0003	Đỗ Văn	Phòng	Kế toán K13	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc
124	CQ13DH0006	Hoàng Hữu	Phú	Kế toán K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
125	CQ13DH0053	Bùi Đình Như	Quỳnh	Kế toán K13	87	Tốt	87	Tốt
126	CQ13DH0144	Ninh Thị	Tâm	Kế toán K13	82	Tốt	82	Tốt
127	CQ13DH0061	Phạm Thị	Thúy	Kế toán K13	80	Tốt	81	Tốt
128	CQ13DH0052	Quách Thị Minh	Thư	Kế toán K13	85	Tốt	84	Tốt
129	CQ13DH0009	Từ Thu	Thương	Kế toán K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
130	CQ13DH0440	Chung Thị Kiều	Trang	Kế toán K13	87	Tốt	87	Tốt
131	CQ13DH0342	Đào Thu	Trang	Kế toán K13	80	Tốt	82	Tốt
132	CQ13DH0460	Lê Thị Huyền	Trang	Kế toán K13	85	Tốt	88	Tốt
133	CQ13DH0307	Lê Thị Huyền	Trang	Kế toán K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
134	CQ13DH0040	Vũ Thị Kiều	Trang	Kế toán K13	88	Tốt	89	Tốt
135	CQ13DH0347	Nguyễn Văn	Đồng	QTKD K13	85	Tốt	86	Tốt
136	CQ13DH0463	Nguyễn Trường	Giang	QTKD K13	80	Tốt	83	Tốt
137	CQ13DH0064	Nguyễn Huy	Hoàng	QTKD K13	83	Tốt	83	Tốt
138	CQ13DH0367	Trần Quang	Hưng	QTKD K13	80	Tốt	80	Tốt
139	CQ13DH0125	Nguyễn Thị Thu	Hường	QTKD K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
140	CQ13DH0116	Nguyễn Thái	Sơn	QTKD K13	85	Tốt	86	Tốt
141	CQ13DH0103	Nguyễn Thị Thu	Thảo	QTKD K13	87	Tốt	87	Tốt
142	CQ13DH0419	Dương Ngọc	Thùy	QTKD K13	85	Tốt	88	Tốt
143	CQ13DH0132	Phạm Thị	Hải	QTDL-KSK13	83	Tốt	83	Tốt
144	CQ13DH0110	Nguyễn Ngọc	Hiếu	QTDL-KSK13	80	Tốt	84	Tốt
145	CQ13DH0420	Đào Xuân	Long	QTDL-KSK13	85	Tốt	69	Khá
146	CQ13DH0306	Lê Thị Hoài	Ngọc	QTDL-KSK13	85	Tốt	86	Tốt
147	CQ13DH0126	Lê Hải	Yến	QTDL-KSK13	85	Tốt	86	Tốt
148	CQ13DH0130	Trần Nhật	Hoàng	TCNH K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
149	CQ13DH0131	Trần Thị	Thùy	TCNH K13	85	Tốt	86	Tốt
150	LA13DH0023	Chor	Lao	CN KTĐ K13	87	Tốt	88	Tốt

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
151	LA13DH0019	Maipheng	Lorphetxay	CN KTĐ K13	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc
152	LA13DH0027	Phimmason	Manivong	CN KTĐ K13	85	Tốt	87	Tốt
153	LA13DH0005	Satthaphone	Mathipanya	CN KTĐ K13	85	Tốt	87	Tốt
154	LA13DH0026	Chimy	Pakayheuang	CN KTĐ K13	88	Tốt	89	Tốt
155	LA13DH0018	Senxay	Phoutthavongsa	CN KTĐ K13	87	Tốt	88	Tốt
156	LA13DH0025	Bounchanh	Salikathong	CN KTĐ K13	87	Tốt	88	Tốt
157	LA13DH0006	Soulinthone	sivongsack	CN KTĐ K13	85	Tốt	87	Tốt
158	LA13DH0007	Vongphachanh	Thippaxay	CN KTĐ K13	87	Tốt	88	Tốt
159	LA13DH0009	Anousith	Vannachone	CN KTĐ K13	87	Tốt	88	Tốt
160	LA13DH0001	Xaiyasith	Xaiyaphone	CN KTĐ K13	87	Tốt	88	Tốt
161	LA13DH0020	Khamsy	Lorxayxang	CNKT CK Ô tô	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc
162	LA13DH0016	Phouvone	Vilaphone	CNKT CK Ô tô	85	Tốt	87	Tốt
163	LA13DH0017	Ongphet	Yotbounmy	CNKT CK Ô tô	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc
164	LA13DH0024	Keng	Thor	KTMHLK13	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
165	LA13DH0021	Noukdavanh	Khamnouan	QTKDK 13	78	Khá	84	Tốt
166	LA13DH0004	Soudalath	Daly	QTKD K13	85	Tốt	87	Tốt
167	LA13DH0002	Phonethida	Douangmany	QTKD K13	85	Tốt	87	Tốt
168	LA13DH0003	Chilaphanh	Mangkhala	QTKD K13	87	Tốt	88	Tốt
169	LA13DH0008	Bouavone	Phanthabouasy	QTKD K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
170	LA13DH0022	Lai on	Souliyasack	QTKD K13	85	Tốt	87	Tốt
171	LA13DH0013	Soulasack	Inthaxay	Kế toán K13	79	Khá	75	Khá
172	LA13DH0012	Kounda	Meexai	Kế toán K13	87	Tốt	88	Tốt
173	LA13DH0010	Cheuy	Phonemaisee	Kế toán K13	87	Tốt	88	Tốt
174	LA13DH0011	Maita	Seesompheng	Kế toán K13	87	Tốt	88	Tốt
175	CQ10DH0142	Nguyễn Thu	Hoài	CN Phần mềm K10	86	Tốt	88	Tốt
176	CQ10DH0158	Nguyễn Công	Huy	CN Phần mềm K10	85	Tốt	72	Khá
177	CQ10DH0055	Đỗ Quang	Huy	CN Phần mềm K10	83	Tốt	83	Tốt
178	CQ10DH0167	Đàm Tiến	Quý	CN Phần mềm K10	86	Tốt	86	Tốt
179	CQ10DH0058	Phan Mạnh	Tiến	CN Phần mềm K10	80	Tốt	82	Tốt
180	CQ10DH0131	Nguyễn Văn	Toàn	CN Phần mềm K10	82	Tốt	82,5	Tốt
181	CQ10DH0056	Vương Ngọc	Tú	CN Phần mềm K10	87	Tốt	85,5	Tốt
182	CQ10DH0060	Nguyễn Tấn	Dũng	Mạng máy tính K10	83	Tốt	84	Tốt
183	CQ10DH0059	Trần Ngọc	Hiếu	Mạng máy tính K10	81	Tốt	83	Tốt
184	CQ10DH0062	Phạm Minh	Hiếu	Mạng máy tính K10	85	Tốt	84,5	Tốt
185	CQ11DH0033	Phạm Văn	Dương	CN Phần mềm K11	86	Tốt	84,5	Tốt
186	CQ11DH0034	Ngô Việt	Hải	CN Phần mềm K11	74	Khá	78	Khá
187	CQ11DH0035	Lã Hùng	Hiếu	CN Phần mềm K11	85	Tốt	83,5	Tốt
188	CQ11DH0115	Lê Kim	Ngân	CN Phần mềm K11	80	Tốt	82	Tốt
189	CQ11DH0036	Trần Công	Nghĩa	CN Phần mềm K11	79	Khá	80,5	Tốt
190	CQ11DH0032	Đoàn Hoa	Vinh	CN Phần mềm K11	79	Khá	81,5	Tốt
191	LA11DH0013	Phainakhone	Phetsithone	CN Phần mềm K11	77	Khá	80,5	Tốt
192	CQ12DH0096	Đinh Công	Duy	CN Phần mềm K12	69	Khá	74	Khá
193	CQ12DH0058	Cao Tiến	Đạt	CN Phần mềm K12	99	Xuất sắc	98	Xuất sắc
194	CQ12DH0060	Vũ Đình	Hải	CN Phần mềm K12	72	Khá	70	Khá
195	CQ12DH0098	Phạm Văn	Hiệp	CN Phần mềm K12	84	Tốt	83	Tốt
196	CQ12DH0125	Nguyễn Như Huy	Hoàng	CN Phần mềm K12	76	Khá	79	Khá
197	CQ12DH0145	Nguyễn Thành	Luận	CN Phần mềm K12	65	Khá	71	Khá
198	CQ12DH0093	Hoàng Tiêu	Phong	CN Phần mềm K12	81	Tốt	84	Tốt
199	CQ12DH0119	Vũ Duy	Phong	CN Phần mềm K12	81	Tốt	83,5	Tốt
200	LA12DH0030	Xamthong	Maevankham	CN Phần mềm K12	82	Tốt	84	Tốt
201	LA12DH0012	Vilavanh	Somsouly	CN Phần mềm K12	84	Tốt	86	Tốt

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
202	CQ12DH0092	Trần Huy	Bằng	Mạng máy tính K12	86	Tốt	85,5	Tốt
203	CQ12DH0097	Đình Hoàng	Hưng	Mạng máy tính K12	79	Khá	82	Tốt
204	CQ12DH0094	Đoàn Văn	Khuê	Mạng máy tính K12	81	Tốt	83	Tốt
205	CQ12DH0142	Đỗ Văn	Tài	Mạng máy tính K12	81	Tốt	72	Khá
206	CQ12DH0095	Vũ Minh	Thắng	Mạng máy tính K12	54	TB	64	TB
207	CQ13DH0364	Hoàng Văn	Chinh	CN Phần mềm K13	83	Tốt	82,5	Tốt
208	CQ13DH0088	Lê Tiến	Đạt	CN Phần mềm K13	83	Tốt	82,5	Tốt
209	CQ13DH0429	Chu Tiến	Đoàn	CN Phần mềm K13	82	Tốt	82	Tốt
210	CQ13DH0072	Trương Thành	Lộc	CN Phần mềm K13	80	Tốt	81	Tốt
211	CQ13DH0091	Vũ Đức	Thắng	CN Phần mềm K13	82	Tốt	82	Tốt
212	CQ13DH0084	Vũ Văn	Trung	CN Phần mềm K13	89	Tốt	91	Xuất sắc
213	CQ13DH0370	Đình Quang	Tuấn	CN Phần mềm K13	80	Tốt	81	Tốt
214	CQ13DH0323	Bùi Huy	Việt	CN Phần mềm K13	81	Tốt	81,5	Tốt
215	LA13DH0015	Bang	Phonevilay	CN Phần mềm K13	84	Tốt	82	Tốt
216	LA13DH0014	Vanxay	Vangchuemoua	CN Phần mềm K13	84	Tốt	83	Tốt
217	CQ10DH0301	Phạm Tuấn	Chương	QTKD K10	85	Tốt	85	Tốt
218	CQ10DH0072	Vũ Trọng	Đức	QTKD K10	85	Tốt	87,5	Tốt
219	CQ10DH0129	Vũ Duy	Khánh	QTKD K10	90	Xuất sắc	92,5	Xuất sắc
220	CQ10DH0124	Nguyễn Đỗ Đức	Nghĩa	QTKD K10	55	TB	55	TB
221	CQ10DH0128	Hoàng Bích	Ngọc	QTKD K10	90	Xuất sắc	92,5	Xuất sắc
222	CQ11DH0025	Hồ Thị	Thảo	QTKD K10	85	Tốt	87,5	Tốt
223	LA10DH0001	BOUTDY	Phaxay	QTKD K10	85	Tốt	85	Tốt
224	LA10DH0004	LOMICHITH	Souphaphon	QTKD K10	85	Tốt	87,5	Tốt
225	CQ11DH0094	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	QTKD K11	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
226	CQ11DH0121	Đỗ Quốc	Bình	QTKD K11	65	Khá	65	Khá
227	LA11DH0022	Phimmasone	Khamphanpheng	QTKD K11	88	Tốt	88	Tốt
228	CQ11DH0025	Lê Xuân	Khương	QTKD K11	85	Tốt	87,5	Tốt
229	CQ11DH0028	Ninh Văn	Nghĩa	QTKD K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
230	LA11DH0021	Manivanh	Yotsavath	QTKD K11	85	Tốt	85	Tốt
231	LTCQ12DH13	Nguyễn Thị Kim	Huệ	LTQTKD K12	85	Tốt	87,5	Tốt
232	CQ12DH0147	Đỗ Quốc	Cường	QTKD K12	88	Tốt	88	Tốt
233	CQ12DH0059	Trần Khánh	Duy	QTKD K12	85	Tốt	85	Tốt
234	CQ12DH0126	Trần Hoàng	Hải	QTKD K12	63	TB	63	TB
235	CQ12DH0101	Nguyễn Xuân	Hiếu	QTKD K12	68	Khá	68	Khá
236	CQ12DH0107	Nguyễn Văn	Nghĩa	QTKD K12	85	Tốt	87,5	Tốt
237	CQ12DH0102	Vũ Đức	Phúc	QTKD K12	65	Khá	63,5	TB
238	CQ12DH0106	Đàm Quang	Rồng	QTKD K12	78	Khá	78	Khá
239	CQ12DH0104	Nguyễn Thanh	Thủy	QTKD K12	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
240	CQ12DH0061	Bùi Văn	Tiến	QTKD K12	63	TB	69	Khá
241	CQ12DH0116	Vũ Huyền	Trang	QTKD K12	60	TB	69	Khá
242	LA12DH0014	Melamith	Phommavong	QTKD K12	85	Tốt	72,5	Khá
243	LA12DH0016	Soudalin	Vilaisack	QTKD K12	85	Tốt	87,5	Tốt
244	LA12DH0015	Namfon	Vongsonephet	QTKD K12	85	Tốt	87,5	Tốt
245	LTCQ13DH13	Phùng Duy	Cường	LTQTKD K13	60	TB	60	TB
246	LTCQ13DH15	Nguyễn Thanh	Tài	LTQTKD K13	60	TB	60	TB
247	CQ10DH0133	Phạm Huy	Hoàng	TCDN K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
248	CQ10DH0132	Ngô Thanh	Tùng	TCDN K10	85	Tốt	85	Tốt
249	LA10DH0002	PHANPASACK	DAO	TCDN K10	85	Tốt	85	Tốt
250	LA10DH0011	DUANGPHACHANH	KINNALY	TCDN K10	85	Tốt	85	Tốt
251	LA10DH0013	VANNASY	NIDLAMONE	TCDN K10	85	Tốt	85	Tốt
252	LA10DH0008	VONGSAVANH	PHONETHIP	TCDN K10	85	Tốt	85	Tốt

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
253	LA10DH0012	HATSACHANH	THONGMAI	TCDN K10	85	Tốt	85	Tốt
254	CQ11DH0027	Vũ Văn	Duyệt	TCDN K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
255	CQ11DH0099	Nguyễn Trọng	Đạt	TCDN K11	75	Khá	71	Khá
256	CQ11DH0131	Đinh Thị Phương	Thảo	TCDN K11	78	Khá	75	Khá
257	LA11DH0030	Moukkham	Chanthala	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
258	LA11DH0026	Inphone	Keo Oudom	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
259	LA11DH0031	Pathoumma	Keopaseuth	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
260	LA11DH0025	Chanthayout	Khongsavath	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
261	LA11DH0033	Thippakone	Kongsanith	TCDN K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
262	LA11DH0027	Ketsana	Laomouaxiong	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
263	LA11DH0032	Phetsaboun	Savatphai	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
264	LA11DH0028	Phoutthasack	Sengdalay	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
265	LA11DH0029	Khaek	Sonsouvanh	TCDN K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
266	LA11DH0023	Nitdavanh	Sykhamxai	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
267	LA11DH0001	Somsak	Vanyalak	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
268	LA11DH0024	Sinnaly	Xayvungmeuang	TCDN K11	85	Tốt	85	Tốt
269	CQ12DH0109	Phạm Thị Thu	Hà	TCDN K12	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
270	CQ12DH0115	Lê Thị Trang	Nhung	TCDN K12	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
271	LA12DH0018	Khamita	Chanthasith	TCDN K12	85	Tốt	85	Tốt
272	LA12DH0022	Visouda	Keokenchanh	TCDN K12	85	Tốt	85	Tốt
273	LA12DH0023	Somphavone	Keosavath	TCDN K12	85	Tốt	85	Tốt
274	LA12DH0017	Anouvong	Kounlavouth	TCDN K12	85	Tốt	85	Tốt
275	LA12DH0021	Bounthala	Shaykhamthone	TCDN K12	85	Tốt	85	Tốt
276	LA12DH0020	Pavina	Souvanthong	TCDN K12	85	Tốt	85	Tốt
277	LA12DH0019	Minthida	Thilasack	TCDN K12	85	Tốt	85	Tốt
278	CQ10DH0163	Nguyễn Đức	Anh	Kế toán K10	82	Tốt	76	Khá
279	CQ10DH0122	Nguyễn Thị	Anh	Kế toán K10	86	Tốt	86	Tốt
280	CQ10DH0114	Trịnh Thị Quế	Anh	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
281	CQ10DH0141	Nguyễn Quang Bảo	Ân	Kế toán K10	81	Tốt	81	Tốt
282	CQ10DH0098	Trần Ngọc	Bích	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
283	CQ10DH0064	Phạm Thị Hồng	Duyên	Kế toán K10	100	Xuất sắc	100	Xuất sắc
284	CQ10DH0110	Nguyễn Thu	Hằng	Kế toán K10	88	Tốt	88	Tốt
285	CQ10DH0103	Nguyễn Hải	Hậu	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
286	CQ10DH0120	Phạm Mai	Hồng	Kế toán K10	82	Tốt	82	Tốt
287	CQ10DH0102	Nguyễn Thu	Huyền	Kế toán K10	84	Tốt	84	Tốt
288	CQ10DH0106	Phạm Thị Thanh	Huyền	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
289	CQ10DH0137	Vũ Lan	Hương	Kế toán K10	81	Tốt	81	Tốt
290	CQ10DH0118	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
291	CQ10DH0105	Vũ Huyền	Linh	Kế toán K10	87	Tốt	87	Tốt
292	CQ10DH0119	Vũ Thị	Mai	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
293	CQ10DH0111	Nguyễn Tiến	Mạnh	Kế toán K10	100	Xuất sắc	100	Xuất sắc
294	CQ10DH0123	Trần Quang	Minh	Kế toán K10	83	Tốt	83	Tốt
295	CQ10DH0099	Nguyễn Thị Phương	Oanh	Kế toán K10	83	Tốt	83	Tốt
296	CQ10DH0100	Đặng Thanh	Tâm	Kế toán K10	88	Tốt	88	Tốt
297	CQ10DH0117	Hoàng Thị	Thảo	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
298	CQ10DH0112	Đỗ Thị	Thương	Kế toán K10	82	Tốt	82	Tốt
299	CQ10DH0104	Bùi Doãn	Toàn	Kế toán K10	79	Khá	79	Khá
300	CQ10DH0108	Hà Thị	Trang	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
301	CQ10DH0121	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Kế toán K10	88	Tốt	88	Tốt
302	CQ10DH0010	Đặng Hồng	Vân	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
303	CQ10DH0116	Tô Thị	Vy	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
304	CQ10DH0107	Vũ Thị Hải	Yến	Kế toán K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
305	LA10DH0009	Lorvanhpao	Nouphavanh	Kế toán K10	88	Tốt	88	Tốt
306	LA10DH0007	Bounthavong	Seng	Kế toán K10	88	Tốt	88	Tốt
307	LTCQ12DH14	Cao Thị	Ngân	LT Kế toán K12	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
308	LTLA12DH02	Thippasay	Kongsanith	LT Kế toán K12	88	Tốt	88	Tốt
309	LTLA12DH01	Sinthared	Vongsanit	LT Kế toán K12	88	Tốt	88	Tốt
310	LTCQ13DH03	Nguyễn Lệ	Giang	LT Kế toán K13	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
311	LTCQ13DH05	Nguyễn Thị	Lan	LT Kế toán K13	88	Tốt	88	Tốt
312	LTCQ13DH06	Vũ Thị	Thiệp	LT Kế toán K13	88	Tốt	88	Tốt
313	CQ11DH0020	Lại Thị Ngọc	Anh	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
314	CQ11DH0098	Thân Thị Ngọc	Anh	Kế toán K11	94	Xuất sắc	92	Xuất sắc
315	CQ11DH0008	Phùng Nguyễn Thanh	Bình	Kế toán K11	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc
316	CQ11DH0021	Trần Thị Tứ	Bình	Kế toán K11	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc
317	CQ11DH0120	Ngô Tuấn	Dương	Kế toán K11	85	Tốt	84	Tốt
318	CQ11DH0136	Hoàng Thu	Hà	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
319	CQ11DH0092	Tạ Quân	Hải	Kế toán K11	80	Tốt	80	Tốt
320	CQ11DH0015	Lý Thị	Hiên	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
321	CQ11DH0024	Nguyễn Đức	Hoàng	Kế toán K11	82	Tốt	72	Khá
322	CQ11DH0001	Vũ Thị	Hồng	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
323	CQ11DH0018	Nguyễn Thanh	Hương	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
324	CQ11DH0085	Phạm Thanh	Hương	Kế toán K11	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
325	CQ11DH0012	Nguyễn Trung	Kiên	Kế toán K11	90	Xuất sắc	85	Tốt
326	CQ11DH0014	Lương Hà	Linh	Kế toán K11	85	Tốt	83	Tốt
327	CQ11DH0002	Trịnh Hoàng	Lương	Kế toán K11	80	Tốt	80	Tốt
328	CQ11DH0023	Đoàn Thục	Mai	Kế toán K11	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc
329	CQ11DH0004	Nguyễn Thị	My	Kế toán K11	86	Tốt	84	Tốt
330	CQ11DH0016	Phạm Thị Minh	Nguyệt	Kế toán K11	91	Xuất sắc	93	Xuất sắc
331	CQ11DH0019	Bùi Thị Hồng	Nhung	Kế toán K11	90	Xuất sắc	85	Tốt
332	CQ11DH0017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Kế toán K11	93	Xuất sắc	94	Xuất sắc
333	CQ11DH0006	Nguyễn Thu	Phương	Kế toán K11	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc
334	CQ11DH0022	Trần Thị	Phượng	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
335	CQ11DH0003	Phạm Thị	Quỳnh	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
336	CQ11DH0005	Hoàng Tiên	Sinh	Kế toán K11	78	Khá	71	Khá
337	CQ11DH0112	Phạm Thị Quỳnh	Trang	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
338	CQ11DH0091	Vũ Đăng	Trọng	Kế toán K11	80	Tốt	81	Tốt
339	CQ11DH0086	Trần Thị Thu	Vân	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
340	LA11DH0016	Khamlar	Sipphanhack	Kế toán K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
341	LA11DH0014	Khanthong	Sonelamany	Kế toán K11	94	Xuất sắc	93	Xuất sắc
342	LA11DH0015	Phetmany	Bounphavanh	Kế toán K11	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
343	LA11DH0017	Phonesavanh	Zuenphanh	Kế toán K11	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc
344	CQ12DH0150	Đỗ Kim	Anh	Kế toán K12	73	Khá	79	Khá
345	CQ12DH0068	Phạm Thị Ngọc	Anh	Kế toán K12	77	Khá	76	Khá
346	CQ12DH0072	Vũ Thị Huệ	Anh	Kế toán K12	78	Khá	76	Khá
347	CQ12DH0065	Hoàng Thị	Ánh	Kế toán K12	80	Tốt	77	Khá
348	CQ12DH0081	Đàm Thị Hương	Giang	Kế toán K12	78	Khá	83	Tốt
349	CQ12DH0144	Phạm Thị Thu	Hà	Kế toán K12	75	Khá	77	Khá
350	CQ12DH0070	Cao Thị Thu	Hằng	Kế toán K12	77	Khá	78	Khá
351	CQ12DH0136	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Kế toán K12	81	Tốt	83	Tốt
352	CQ12DH0153	Nguyễn Xuân	Đức	Kế toán K12	68	Khá	70	Khá
353	CQ12DH0135	Nguyễn Minh	Hòa	Kế toán K12	78	Khá	77	Khá
354	CQ12DH0077	Ngô Thị Thu	Huyền	Kế toán K12	77	Khá	77	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
355	CQ12DH0113	Nguyễn Thị Ngọc Ly	Kế toán K12	78	Khá	78	Khá
356	CQ12DH0066	Kim Phương Ngân	Kế toán K12	92	Xuất sắc	85	Tốt
357	CQ12DH0062	Trần Thị Mỹ Nhung	Kế toán K12	78	Khá	82	Tốt
358	CQ12DH0069	Phạm Hải Ninh	Kế toán K12	82	Tốt	80	Tốt
359	CQ12DH0075	Phạm Thị Thúy Quyên	Kế toán K12	78	Khá	78	Khá
360	CQ12DH0073	Hoàng Thọ Tùng Sơn	Kế toán K12	70	Khá	73	Khá
361	CQ12DH0082	Nguyễn Thị Minh Tâm	Kế toán K12	85	Tốt	85	Tốt
362	CQ12DH0063	Đường Hương Thảo	Kế toán K12	72	Khá	71	Khá
363	CQ12DH0149	Lê Thị Phương Thảo	Kế toán K12	75	Khá	76	Khá
364	CQ12DH0078	Ứng Thị Phương Thảo	Kế toán K12	88	Tốt	87	Tốt
365	CQ12DH0076	Lê Thu Trang	Kế toán K12	76	Khá	77	Khá
366	CQ11DH0126	Phạm Tuấn Anh	Kỹ thuật Điện K11	55	TB	55	TB
367	CQ11DH0132	Vũ Tuấn Anh	Kỹ thuật Điện K11	85	Tốt	75	Khá
368	CQ11DH0056	Đoàn Minh Chiến	Kỹ thuật Điện K11	82	Tốt	84	Tốt
369	CQ11DH0074	Nguyễn Công Chiến	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	84	Tốt
370	CQ11DH0073	Bùi Công Duy	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	89	Tốt
371	CQ11DH0070	Trần Thế Duy	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	87	Tốt
372	CQ11DH0079	Lã Minh Đức	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	87	Tốt
373	CQ11DH0096	Vũ Văn Đức	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	87	Tốt
374	CQ11DH0071	Phạm Thanh Hải	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	87	Tốt
375	CQ11DH0133	Lê Trung Hiếu	Kỹ thuật Điện K11	82	Tốt	84	Tốt
376	CQ11DH0055	Nguyễn Xuân Hiếu	Kỹ thuật Điện K11	80	Tốt	82	Tốt
377	CQ11DH0087	Nguyễn Tuấn Huy	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	89	Tốt
378	CQ11DH0063	Bùi Đức Khánh	Kỹ thuật Điện K11	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc
379	CQ11DH0067	Trần Đình Khiêm	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	92	Xuất sắc
380	CQ11DH0077	Vi Đăng Kiêm	Kỹ thuật Điện K11	82	Tốt	82	Tốt
381	CQ11DH0054	Nguyễn Ngọc Hoàng Long	Kỹ thuật Điện K11	95	Xuất sắc	79	Khá
382	CQ11DH0089	Trần Hoàng Long	Kỹ thuật Điện K11	82	Tốt	82	Tốt
383	CQ11DH0065	Chu Văn Nam	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	89	Tốt
384	CQ11DH0110	Trần Đức Nam	Kỹ thuật Điện K11	82	Tốt	82	Tốt
385	CQ11DH0075	Hà Đình Phong	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	87	Tốt
386	CQ11DH0072	Phan Doãn Quang	Kỹ thuật Điện K11	82	Tốt	82	Tốt
387	CQ11DH0102	Nguyễn Ngọc Quyền	Kỹ thuật Điện K11	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc
388	CQ11DH0078	Bùi Đức Quyết	Kỹ thuật Điện K11	85	Tốt	76	Khá
389	CQ11DH0117	Nguyễn Hồng Sơn	Kỹ thuật Điện K11	85	Tốt	85	Tốt
390	CQ11DH0076	Vũ Chí Thành	Kỹ thuật Điện K11	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc
391	CQ11DH0068	Trần Cao Thăng	Kỹ thuật Điện K11	85	Tốt	80	Tốt
392	CQ11DH0107	Đặng Đình Việt	Kỹ thuật Điện K11	98	Xuất sắc	95	Xuất sắc
393	CQ11DH0095	Nguyễn Xuân Việt	Kỹ thuật Điện K11	82	Tốt	84	Tốt
394	LA11DH0008	Anoulack Phonesavat	Kỹ thuật Điện K11	92	Xuất sắc	89	Tốt
395	LA11DH0003	Anouluk Phonesouli	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	84	Tốt
396	LA11DH0009	Kor Thor	Kỹ thuật Điện K11	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
397	LA11DH0004	Mai Eit Sengdeuanthor	Kỹ thuật Điện K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
398	LA11DH0005	Phithack Phongsavath	Kỹ thuật Điện K11	77	Khá	77	Khá
399	LA11DH0010	Phouthsavanh Thanavanh	Kỹ thuật Điện K11	90	Xuất sắc	85	Tốt
400	LA11DH0006	Sipaseuth Chansavath	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	82	Tốt
401	LA11DH0007	Sitthikone Phomsy	Kỹ thuật Điện K11	87	Tốt	89	Tốt
402	LA11DH0011	Somdeth Phanthavy	Kỹ thuật Điện K11	82	Tốt	82	Tốt
403	LA11DH0012	Tousong Thor	Kỹ thuật Điện K11	82	Tốt	87	Tốt
404	LA11DH0002	Vanh say Phommasan	Kỹ thuật Điện K11	95	Xuất sắc	98	Xuất sắc
405	CQ11DH0137	Đoàn Minh Quang	Kỹ thuật Điện K11	85	Tốt	73	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
406	CQ11DH00370	Trần Ngọc	Đức	Kỹ thuật Điện K11	85	Tốt	85	Tốt
407	LTCQ13DH01	Lâm Văn	Đào	LT KTĐ K13	65	Khá	67	Khá
408	CQ11DH0057	Nguyễn Danh	Bách	Tự động hóa K11	89	Tốt	89	Tốt
409	CQ11DH0090	Nghiêm Hoàng	Giang	Tự động hóa K11	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
410	CQ11DH0104	Đinh Trung	Hiếu	Tự động hóa K11	81	Tốt	81	Tốt
411	CQ11DH0047	Bùi Thanh	Hợp	Tự động hóa K11	99	Xuất sắc	99	Xuất sắc
412	CQ11DH0059	Nguyễn Đức	Hùng	Tự động hóa K11	82	Tốt	82	Tốt
413	CQ11DH0105	Đinh Ngọc	Khiêm	Tự động hóa K11	80	Tốt	80	Tốt
414	CQ11DH0050	Trần Dương	Long	Tự động hóa K11	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc
415	CQ11DH0044	Hoàng Văn	Long	Tự động hóa K11	85	Tốt	85	Tốt
416	CQ11DH0051	Hoàng Anh	Quân	Tự động hóa K11	85	Tốt	85	Tốt
417	CQ11DH0052	Nguyễn Văn	Sơn	Tự động hóa K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
418	CQ11DH0045	Nguyễn Cảnh	Toàn	Tự động hóa K11	82	Tốt	82	Tốt
419	CQ11DH0043	Bùi Mạnh	Tuân	Tự động hóa K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
420	CQ11DH0100	Vũ Minh	Tuấn	Tự động hóa K11	82	Tốt	82	Tốt
421	CQ11DH0111	Nguyễn Mạnh	Tùng	Tự động hóa K11	80	Tốt	80	Tốt
422	CQ12DH0040	Vũ Mạnh	Cương	Tự động hóa K12	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc
423	CQ12DH0117	Đặng Minh	Chiến	Tự động hóa K12	89	Tốt	89	Tốt
424	CQ12DH0038	Trịnh Đức	Đại	Tự động hóa K12	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc
425	CQ12DH0143	Lê Duy	Điền	Tự động hóa K12	75	Khá	75	Khá
426	CQ12DH0120	Nguyễn Đức	Hải	Tự động hóa K12	16	Kém	16	Kém
427	CQ12DH0044	Nguyễn Minh	Hiếu	Tự động hóa K12	80	Tốt	80	Tốt
428	CQ12DH0052	Đặng Văn	Hiếu	Tự động hóa K12	77	Khá	77	Khá
429	CQ12DH0041	Hà Ngọc	Hiếu	Tự động hóa K12	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc
430	CQ12DH0054	Nguyễn Lê	Hoàng	Tự động hóa K12	66	Khá	66	Khá
431	CQ12DH0042	Nguyễn Huy	Hoàng	Tự động hóa K12	76	Khá	76	Khá
432	CQ12DH0121	Nguyễn Tuấn	Huy	Tự động hóa K12	85	Tốt	85	Tốt
433	CQ12DH0057	Vũ Quang	Hưng	Tự động hóa K12	75	Khá	72	Khá
434	CQ12DH0034	Trương Tuấn	Kiệt	Tự động hóa K12	85	Tốt	85	Tốt
435	CQ12DH0056	Bùi Xuân	Khánh	Tự động hóa K12	85	Tốt	85	Tốt
436	CQ12DH0048	Phan Văn	Minh	Tự động hóa K12	68	Khá	68	Khá
437	CQ12DH0154	Phạm Công	Minh	Tự động hóa K12	75	Khá	75	Khá
438	CQ12DH0139	Vũ Văn	Sang	Tự động hóa K12	75	Khá	75	Khá
439	CQ12DH0043	Phạm Ngọc	Tuân	Tự động hóa K12	75	Khá	75	Khá
440	CQ12DH0050	Nguyễn Đức	Thành	Tự động hóa K12	75	Khá	75	Khá
441	CQ12DH0053	Phạm Thân	Thương	Tự động hóa K12	82	Tốt	82	Tốt
442	LTCQ13DH02	Đào Văn	Chung	LT TDH K13	89	Tốt	89	Tốt
443	CQ10DH0037	Lê Tuấn	Anh	Kỹ thuật Điện K10	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc
444	CQ10DH0039	Trần Thế	Anh	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	87	Tốt
445	CQ10DH0020	Lương Văn	Biển	Kỹ thuật Điện K10	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc
446	CQ10DH0151	Vũ Văn	Bính	Kỹ thuật Điện K10	75	Khá	77	Khá
447	CQ10DH0022	Bùi Văn	Chiến	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	84	Tốt
448	CQ10DH0051	Hoàng Hải	Dương	Kỹ thuật Điện K10	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc
449	CQ10DH0027	Lưu Tùng	Dương	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	83	Tốt
450	CQ10DH0026	Nguyễn Tiến	Đạt	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	90	Xuất sắc
451	CQ10DH0029	Nguyễn Tiến	Đạt	Kỹ thuật Điện K10	86	Tốt	87	Tốt
452	CQ10DH0034	Phùng Hải	Đăng	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	74	Khá
453	CQ10DH0146	Trần Hải	Đăng	Kỹ thuật Điện K10	75	Khá	74	Khá
454	CQ10DH0015	Nguyễn Minh	Đức	Kỹ thuật Điện K10	78	Khá	77	Khá
455	CQ10DH0013	Nguyễn Ngọc	Đức	Kỹ thuật Điện K10	73	Khá	75	Khá
456	CQ10DH0038	Vũ Việt	Đức	Kỹ thuật Điện K10	80	Tốt	81	Tốt

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
457	CQ10DH0050	Nguyễn Văn	Đương	Kỹ thuật Điện K10	86	Tốt	78	Khá
458	CQ10DH0160	Nguyễn Trường	Giang	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	79	Khá
459	CQ10DH0164	Nguyễn Duy	Hải	Kỹ thuật Điện K10	70	Khá	74	Khá
460	CQ10DH0032	Phạm Minh	Hậu	Kỹ thuật Điện K10	75	Khá	77	Khá
461	CQ10DH0153	Đoàn Ngọc	Hiếu	Kỹ thuật Điện K10	93	Xuất sắc	94	Xuất sắc
462	CQ10DH0071	Nguyễn Văn	Hoàng	Kỹ thuật Điện K10	82	Tốt	85	Tốt
463	CQ10DH0030	Nguyễn Quang	Hùng	Kỹ thuật Điện K10	80	Tốt	84	Tốt
464	CQ10DH0155	Phạm Huy	Hùng	Kỹ thuật Điện K10	75	Khá	80	Tốt
465	CQ10DH0028	Phạm Mạnh	Hùng	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	88	Tốt
466	CQ10DH0152	Trần Phi	Hùng	Kỹ thuật Điện K10	80	Tốt	75	Khá
467	CQ10DH0036	Hà Văn	Huy	Kỹ thuật Điện K10	92	Xuất sắc	93	Xuất sắc
468	CQ10DH0014	Nguyễn Thanh	Huyền	Kỹ thuật Điện K10	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc
469	CQ10DH0040	Bùi Hữu	Hưng	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	87	Tốt
470	CQ10DH0053	Nguyễn Xuân	Hữu	Kỹ thuật Điện K10	82	Tốt	85	Tốt
471	CQ10DH0075	Cao Trung	Kiên	Kỹ thuật Điện K10	92	Xuất sắc	93	Xuất sắc
472	CQ10DH0052	Lê Quyết Trung	Kiên	Kỹ thuật Điện K10	84	Tốt	86	Tốt
473	CQ10DH0135	Hoàng Đình	Lập	Kỹ thuật Điện K10	80	Tốt	84	Tốt
474	CQ10DH0031	Ngô Quang	Linh	Kỹ thuật Điện K10	76	Khá	82	Tốt
475	CQ10DH0025	Nguyễn Thành	Long	Kỹ thuật Điện K10	75	Khá	71	Khá
476	CQ10DH0035	Nguyễn Văn	Phong	Kỹ thuật Điện K10	84	Tốt	78	Khá
477	CQ10DH0044	Nguyễn Văn	Quang	Kỹ thuật Điện K10	80	Tốt	74	Khá
478	CQ10DH0148	Nguyễn Văn	Quang	Kỹ thuật Điện K10	81	Tốt	83	Tốt
479	CQ10DH0049	Trần Huy	Quang	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	85	Tốt
480	CQ10DH0033	Trần Minh	Sơn	Kỹ thuật Điện K10	75	Khá	75	Khá
481	CQ10DH0069	Trần Trung	Sơn	Kỹ thuật Điện K10	71	Khá	76	Khá
482	CQ10DH0043	Đỗ Hoàng Cao	Thái	Kỹ thuật Điện K10	72	Khá	75	Khá
483	CQ10DH0002	Nguyễn Mạnh	Tú	Kỹ thuật Điện K10	75	Khá	71	Khá
484	CQ10DH0145	Thiều Anh	Tuấn	Kỹ thuật Điện K10	76	Khá	77	Khá
485	CQ10DH0021	Vũ Văn	Tuấn	Kỹ thuật Điện K10	80	Tốt	72	Khá
486	CQ10DH0144	Lê Ngọc	Vĩ	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	84	Tốt
487	LA10DH0014	VILAISACK	BOUNSONE	Kỹ thuật Điện K10	85	Tốt	85	Tốt
488	LA10DH0010	PHETVIENGSY	SONECHIT	Kỹ thuật Điện K10	84	Tốt	84	Tốt
489	LA10DH0006	XAYSOMPHEANG	SOUPHALAT	Kỹ thuật Điện K10	82	Tốt	88	Tốt
490	LTCQ12DH02	Phạm Văn	Dũng	T Kỹ thuật Điện K1	80	Tốt	80	Tốt
491	LTCQ12DH03	Lương Đức	Hoàn	T Kỹ thuật Điện K1	71	Khá	74	Khá
492	LTCQ12DH04	Nguyễn Văn	Linh	T Kỹ thuật Điện K1	73	Khá	76	Khá
493	LTCQ12DH06	Trần Quốc	Quân	T Kỹ thuật Điện K1	74	Khá	79	Khá
494	LTCQ12DH07	Dương Bá	Thành	T Kỹ thuật Điện K1	72	Khá	71	Khá
495	LTCQ12DH09	Nguyễn Văn	Tiến	T Kỹ thuật Điện K1	73	Khá	69	Khá
496	LTCQ12DH10	Nguyễn Quốc	Trị	T Kỹ thuật Điện K1	71	Khá	71	Khá
497	LTCQ12DH11	Dương Đức	Vĩnh	T Kỹ thuật Điện K1	80	Tốt	80	Tốt
498	LTLA12DH06	Seenoulath	Chanthalungsee	T Kỹ thuật Điện K1	80	Tốt	80	Tốt
499	LTLA12DH03	Sengthanou	Phothilack	T Kỹ thuật Điện K1	80	Tốt	80	Tốt
500	LTLA12DH04	Midpasa	Phoummavanh	T Kỹ thuật Điện K1	80	Tốt	80	Tốt
501	CQ10DH0007	Phạm Đức	Cường	CN Cơ điện K10	82	Tốt	75	Khá
502	CQ10DH0150	Bùi Ngọc	Hải	CN Cơ điện K10	94	Xuất sắc	93	Xuất sắc
503	CQ10DH0005	Trần Quang	Ninh	CN Cơ điện K10	82	Tốt	82	Tốt
504	CQ10DH0012	Lê Anh	Quân	CN Cơ điện K10	81	Tốt	81	Tốt
505	CQ10DH0009	Tô Văn	Quý	CN Cơ điện K10	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc
506	CQ10DH0006	Phạm Văn	Tài	CN Cơ điện K10	82	Tốt	82	Tốt
507	CQ10DH0008	Nguyễn Hoàng	Thái	CN Cơ điện K10	80	Tốt	82	Tốt

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
508	CQ10DH0004	Bùi Anh	Tuấn	CN Cơ điện K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
509	CQ10DH0048	Nguyễn Văn	Đạt	CĐ MỎ K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
510	CQ10DH0017	Nguyễn Văn	Phong	CĐ MỎ K10	82	Tốt	83	Tốt
511	CQ10DH0016	Nguyễn Văn	Tài	CĐ MỎ K10	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
512	CQ10DH0063	Nguyễn Mạnh	Tiến	CĐ MỎ K10	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc
513	CQ10DH0011	Đoàn Thị Kim	Trang	CĐ MỎ K10	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
514	CQ11DH0106	Đỗ Duy	Anh	CN Điện lạnh K11	86	Tốt	85	Tốt
515	CQ11DH0061	Phạm Ngọc	Giang	CN Điện lạnh K11	88	Tốt	88	Tốt
516	CQ11DH0108	Nguyễn Mạnh	Hùng	CN Điện lạnh K11	80	Tốt	80	Tốt
517	CQ11DH0064	Lê Ngọc	Hung	CN Điện lạnh K11	85	Tốt	85	Tốt
518	CQ11DH0062	Bùi Thượng	Kiên	CN Điện lạnh K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
519	CQ11DH0060	Phạm Đức	Quý	CN Điện lạnh K11	82	Tốt	82	Tốt
520	CQ10DH0095	Phạm Quang	Anh	Tự động hóa K10	85	Tốt	85	Tốt
521	CQ10DH0149	Phạm Nhật	Anh	Tự động hóa K10	88	Tốt	78	Khá
522	CQ10DH0079	Phạm Văn	Bình	Tự động hóa K10	82	Tốt	82	Tốt
523	CQ10DH0083	Dương Đức	Chung	Tự động hóa K10	81	Tốt	81	Tốt
524	CQ10DH0081	Phạm Nguyễn Thành	Công	Tự động hóa K10	82	Tốt	82	Tốt
525	CQ10DH0084	Nguyễn Ngọc	Định	Tự động hóa K10	82	Tốt	82	Tốt
526	CQ10DH0087	Bùi Văn	Đức	Tự động hóa K10	82	Tốt	82	Tốt
527	CQ10DH0076	Vũ Văn	Đức	Tự động hóa K10	80	Tốt	80	Tốt
528	CQ10DH0134	Nguyễn Thị Thu	Hà	Tự động hóa K10	87	Tốt	87	Tốt
529	CQ10DH0088	Trương Văn	Hạnh	Tự động hóa K10	85	Tốt	85	Tốt
530	CQ10DH0093	Nguyễn Sĩ	Hiệp	Tự động hóa K10	85	Tốt	85	Tốt
531	CQ10DH0018	Đỗ Minh	Hiếu	Tự động hóa K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
532	CQ10DH0147	Nguyễn Huy	Hoàng	Tự động hóa K10	75	Khá	75	Khá
533	CQ10DH0078	Nguyễn Mạnh	Hùng	Tự động hóa K10	79	Khá	79	Khá
534	CQ10DH0139	Lê Hồng	Huy	Tự động hóa K10	82	Tốt	82	Tốt
535	CQ10DH0086	Trần Mạnh	Hung	Tự động hóa K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
536	CQ10DH0094	Nguyễn Đình	Khải	Tự động hóa K10	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
537	CQ10DH0168	Trần Đức	Khoái	Tự động hóa K10	87	Tốt	87	Tốt
538	CQ10DH0091	Đỗ Trung	Kiên	Tự động hóa K10	86	Tốt	86	Tốt
539	CQ10DH0096	Hoàng Thanh	Long	Tự động hóa K10	82	Tốt	82	Tốt
540	CQ10DH0143	Lê Xuân	Long	Tự động hóa K10	80	Tốt	80	Tốt
541	CQ10DH0140	Nguyễn Đức	Long	Tự động hóa K10	87	Tốt	87	Tốt
542	CQ10DH0165	Nguyễn Hợp	Long	Tự động hóa K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
543	CQ10DH0156	Đoàn Thị	Quế	Tự động hóa K10	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
544	CQ10DH0082	Vũ Hữu	Thịnh	Tự động hóa K10	82	Tốt	82	Tốt
545	CQ10DH0074	Trần Trung	Toàn	Tự động hóa K10	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
546	CQ10DH0047	Trần Anh	Tuấn	Tự động hóa K10	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
547	CQ10DH0054	Bùi Thanh	Tuấn	Tự động hóa K10	82	Tốt	82	Tốt
548	CQ10DH0085	Vương Triệu	Vĩ	Tự động hóa K10	88	Tốt	88	Tốt
549	CQ10DH0080	Vũ Đăng	Vinh	Tự động hóa K10	85	Tốt	85	Tốt
550	CQ12DH0129	Nguyễn Tuấn	Anh	CN Điện lạnh K12	80	Tốt	78	Khá
551	CQ12DH0006	Vương Minh	Chiến	CN Điện lạnh K12	75	Khá	75	Khá
552	CQ12DH0004	Phùng Tiến	Công	CN Điện lạnh K12	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
553	CQ12DH0001	Nịnh Văn	Hiếu	CN Điện lạnh K12	90	Xuất sắc	88	Tốt
554	CQ12DH0124	Phạm Đức	Nhật	CN Điện lạnh K12	80	Tốt	78	Khá
555	CQ12DH0114	Lương Khánh	Toan	CN Điện lạnh K12	85	Tốt	75	Khá
556	CQ12DH0019	Nguyễn Việt	Anh	Kỹ thuật Điện K12	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
557	CQ12DH0028	Phạm Thành	Công	Kỹ thuật Điện K12	85	Tốt	85	Tốt
558	CQ12DH0122	Trần Nhật	Công	Kỹ thuật Điện K12	90	Xuất sắc	89	Tốt

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
559	CQ12DH0138	Mạc Anh	Dũng	Kỹ thuật Điện K12	75	Khá	75	Khá
560	CQ12DH0033	Đặng Thành	Đạt	Kỹ thuật Điện K12	75	Khá	75	Khá
561	CQ12DH0152	Lê Văn	Đạt	Kỹ thuật Điện K12	75	Khá	75	Khá
562	CQ12DH0025	Vũ Cường	Đồng	Kỹ thuật Điện K12	80	Tốt	72	Khá
563	CQ12DH0029	Cao Tích	Đức	Kỹ thuật Điện K12	90	Xuất sắc	88	Tốt
564	CQ12DH0023	Đào Mạc	Đức	Kỹ thuật Điện K12	75	Khá	75	Khá
565	CQ12DH0024	Tô Quảng	Đức	Kỹ thuật Điện K12	85	Tốt	85	Tốt
566	CQ12DH0020	Đỗ Nguyên	Giáp	Kỹ thuật Điện K12	85	Tốt	85	Tốt
567	CQ12DH0132	Phạm Văn	Hải	Kỹ thuật Điện K12	80	Tốt	70	Khá
568	CQ12DH0022	Vũ Thế	Hậu	Kỹ thuật Điện K12	64	TB	75	Khá
569	CQ12DH0021	Nguyễn Đức	Luận	Kỹ thuật Điện K12	80	Tốt	71	Khá
570	CQ12DH0030	Bùi Tổ	Minh	Kỹ thuật Điện K12	75	Khá	75	Khá
571	CQ12DH0031	Hồ Vũ	Quỳnh	Kỹ thuật Điện K12	75	Khá	75	Khá
572	CQ12DH0032	Đinh Văn	Thái	Kỹ thuật Điện K12	75	Khá	75	Khá
573	CQ12DH0003	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật Điện K12	80	Tốt	70	Khá
574	CQ12DH0026	Nguyễn Quang	Vinh	Kỹ thuật Điện K12	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
575	LA12DH0002	Khamphet	Chanthapha	Kỹ thuật Điện K12	87	Tốt	85	Tốt
576	LA12DH0004	Anousone	Inteum	Kỹ thuật Điện K12	85	Tốt	75	Khá
577	LA12DH0005	Somsavanh	Keovanxay	Kỹ thuật Điện K12	87	Tốt	85	Tốt
578	LA12DH0008	Xinnavath	Khamsing	Kỹ thuật Điện K12	87	Tốt	95	Xuất sắc
579	LA12DH0031	Khampheua	Nammavong	Kỹ thuật Điện K12	87	Tốt	87	Tốt
580	LA12DH0011	Vilaphon	Saryavoud	Kỹ thuật Điện K12	80	Tốt	84	Tốt
581	LA12DH0007	Xeme	Senechonghak	Kỹ thuật Điện K12	90	Xuất sắc	87	Tốt
582	LA12DH0010	Thanousack	Vilaxay	Kỹ thuật Điện K12	87	Tốt	87	Tốt
583	LA12DH0009	Visouk	Xainyadetyar	Kỹ thuật Điện K12	87	Tốt	87	Tốt
584	LA12DH0003	Phonethip	Xayasone	Kỹ thuật Điện K12	85	Tốt	81	Tốt
585	LA12DH0006	Souliya	Xuendavanh	Kỹ thuật Điện K12	85	Tốt	91	Xuất sắc
586	LA12DH0029	Maisao	Yongsompheng	Kỹ thuật Điện K12	85	Tốt	87	Tốt
587	CQ12DH0037	Nguyễn Tuấn	Anh	Kỹ thuật Điện tử K12	85	Tốt	73	Khá
588	CQ12DH0111	Lê Phúc Thành	Đạt	Kỹ thuật Điện tử K12	75	Khá	74	Khá
589	CQ12DH0084	Bùi Ngọc	Thạch	Kỹ thuật Điện tử K12	75	Khá	76	Khá
590	CQ12DH0036	Nguyễn Văn	Thăng	Kỹ thuật Điện tử K12	90	Xuất sắc	76	Khá
591	CQ10DH0068	Lô Thanh	Hoàn	Kỹ thuật mô HLK10	82	Tốt	81	Tốt
592	CQ10DH0066	Nguyễn Duy	Khanh	Kỹ thuật mô HLK10	82	Tốt	71	Khá
593	LA10DH0005	BOUNPHAENGPHO BAENG		Hầm và Cầu K10	80	Tốt	80	Tốt
594	CQ10DH0162	Vũ Tiến Khánh	Duy	Hầm và Cầu K10	78	Khá	70	Khá
595	LA10DH0003	HOYHACK	MAKNAVONG	Hầm và Cầu K10	81	Tốt	80	Tốt
596	CQ10DH0157	Đỗ Tiến	Thịnh	Hầm và Cầu K10	80	Tốt	80	Tốt
597	CQ10DH0161	Nguyễn Nhật	Trường	Hầm và Cầu K10	81	Tốt	81	Tốt
598	CQ11DH0080	Lưu Công	Đại	Kỹ thuật mô HLK11	80	Tốt	78	Khá
599	LA11DH0019	Sy	Phetbonesy	Kỹ thuật mô HLK11	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc
600	LA11DH0018	Anou	Phetjanthasing	Kỹ thuật mô HLK11	84	Tốt	84	Tốt
601	CQ11DH0082	Lê Văn	Quý	Kỹ thuật mô HLK11	81	Tốt	81	Tốt
602	CQ11DH0081	Nguyễn Bá	Thức	Kỹ thuật mô HLK11	82	Tốt	82	Tốt
603	CQ11DH0083	Lê Quang	Đức	TĐ Công trình K11	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc
604	LTCQ12DH18	Phạm Anh	Dũng	TĐ Công trình K1	82	Tốt	81	Tốt
605	LTCQ12DH17	Phạm Văn	Đặng	TĐ Công trình K1	82	Tốt	81	Tốt
606	LTCQ12DH19	Phạm Duy	Hiệu	TĐ Công trình K1	80	Tốt	80	Tốt
607	LTCQ12DH21	Trần Biên	Thùy	TĐ Công trình K1	80	Tốt	80	Tốt
608	LTCQ12DH22	Vũ Văn	Tuân	TĐ Công trình K1	76	Khá	78	Khá
609	CQ12DH0005	Nguyễn Thanh	Tùng	Hầm và Cầu K12	82	Tốt	72	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp chuyên ngành	Điểm RL học kỳ 2	XLRL học kỳ 2	Điểm RL năm học	XLRL năm học
610	LA12DH0028	Tholy	Sybounseng	Hầm và Cầu K12	81	Tốt	81	Tốt
611	LA12DH0026	Sitthisay	Thongsamai	Hầm và Cầu K12	82	Tốt	82	Tốt
612	LA12DH0027	Saksada	Xaibounheuang	Hầm và Cầu K12	83	Tốt	83	Tốt
613	CQ12DH0087	Nguyễn Tiến	Đạt	Kỹ thuật mỏ HLK12	80	Tốt	80	Tốt
614	CQ12DH0137	Dương Văn Huệ	Giang	Kỹ thuật mỏ HLK12	76	Khá	71	Khá
615	CQ12DH0148	Bùi Văn	Long	Kỹ thuật mỏ HLK12	76	Khá	77	Khá
616	CQ12DH0085	Nguyễn Tiến	Thành	Kỹ thuật mỏ HLK12	76	Khá	70	Khá
617	CQ12DH0110	Trịnh Đức	Huy	TĐ Công trình K12	82	Tốt	82	Tốt
618	CQ12DH0146	Nguyễn Danh	Hùng	TĐ Công trình K12	74	Khá	72	Khá
619	LA12DH0024	Aewsy	Ainmethai	TĐ Công trình K12	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
620	LA12DH0025	Souk	Khammeexay	TĐ Công trình K12	85	Tốt	85	Tốt
621	LTCQ12DH12	Nguyễn Thanh	Chiến	LTHầm lò K12	77	Khá	78	Khá
622	LTCQ13DH11	Đậu Hoàng	Tú	TTĐ Công trình K1	77	Khá	77	Khá
623	LTCQ13DH09	Đỗ Văn	Hải	LTHầm lò K13	77	Khá	77	Khá
624	LTCQ13DH08	Nguyễn Văn	Linh	LTHầm lò K13	78	Khá	78	Khá
625	LTCQ13DH10	Trần Văn	Trọng	LTHầm lò K13	80	Tốt	80	Tốt
626	CQ11DH0030	Nguyễn Thị Phương	Chi	Tuyển khoáng K11	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
627	CQ11DH0031	Trần Anh	Khoa	Tuyển khoáng K11	87	Tốt	87	Tốt
628	CQ11DH0029	Đỗ Minh	Tuấn	Tuyển khoáng K11	87	Tốt	87	Tốt
629	LA11DH0020		Singthor	Tuyển khoáng K11	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
630	LTCQ12DH16	Dương Thị	Thảo	T Tuyển khoáng K1	85	Tốt	85	Tốt
631	LTCQ13DH12	Phạm Tiến	Tuyển	T Tuyển khoáng K1	87	Tốt	87	Tốt
632	CQ12DH0091	Nguyễn Tiến	Đạt	Tuyển khoáng K12	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
633	CQ12DH0090	Vũ Ngọc	Huyền	Tuyển khoáng K12	87	Tốt	87	Tốt
634	CQ12DH0089	Dương Thị Hồng	Ngọc	Tuyển khoáng K12	87	Tốt	87	Tốt
635	CQ12DH0088	Đồng Minh	Quang	Tuyển khoáng K12	82	Tốt	72	Khá
636	CQ11DH0042	Vũ Xuân	Bang	TĐH TK Cơ khí K1	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
637	CQ11DH0041	Trần Văn	Nam	TĐH TK Cơ khí K1	87	Tốt	87	Tốt
638	CQ11DH0125	Nguyễn Văn	Đức	TĐH TK Cơ khí K1	74	Khá	77	Khá
639	CQ11DH0118	Đỗ Duy	Khánh	TĐH TK Cơ khí K1	75	Khá	75	Khá
640	CQ11DH0113	Nguyễn Đình	Đông	TĐH TK Cơ khí K1	87	Tốt	87	Tốt
641	CQ11DH0124	Nguyễn Trọng	Linh	TĐH TK Cơ khí K1	77	Khá	77	Khá
642	CQ11DH0101	Phan Xuân	Hoàng	CNCK Ô TÔ K11	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc
643	CQ11DH0040	Nguyễn Ngọc	Long	CNCK Ô TÔ K11	87	Tốt	87	Tốt
644	CQ11DH0038	Lý Thái	Son	CNCK Ô TÔ K11	87	Tốt	87	Tốt
645	CQ11DH0088	Nguyễn Mạnh	Tiến	CNCK Ô TÔ K11	82	Tốt	82	Tốt
646	CQ12DH0105	Hòa Ngọc	Đại	CNCK Ô TÔ K12	87	Tốt	87	Tốt
647	CQ12DH0017	Đặng Tiến	Đạt	CNCK Ô TÔ K12	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc
648	CQ12DH0012	Lý Thành	Đạt	CNCK Ô TÔ K12	82	Tốt	82	Tốt
649	CQ12DH0013	Trần Công	Đức	CNCK Ô TÔ K12	87	Tốt	87	Tốt
650	CQ12DH0018	Trần Minh	Đức	CNCK Ô TÔ K12	87	Tốt	87	Tốt
651	CQ12DH0007	Phạm Hoàng	Kiên	CNCK Ô TÔ K12	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
652	CQ12DH0046	Đào Ngọc	Nam	CNCK Ô TÔ K12	80	Tốt	80	Tốt
653	CQ12DH0047	Hoàng Sỹ	Nguyên	CNCK Ô TÔ K12	74	Khá	79	Khá
654	CQ12DH0014	Trần Mạnh	Thái	CNCK Ô TÔ K12	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc
655	LA12DH0001	Anousith	Thammalath	CNCK Ô TÔ K12	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc
656	CQ12DH0008	Nguyễn Văn	Tiến	CNCK Ô TÔ K12	85	Tốt	85	Tốt
657	CQ12DH0009	Cao Thế	Trung	CNCK Ô TÔ K12	75	Khá	75	Khá
658	CQ12DH0015	Hoàng Đức	Trung	CNCK Ô TÔ K12	73	Khá	75	Khá
659	CQ12DH0011	Bế Minh	Vương	CNCK Ô TÔ K12	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc